Cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA tại Việt Nam

ThS. NGUYỄN THỊ ĐÔNG
Học viện Ngân hàng – Phân viện Phú Yên

Dòng vốn quốc tế đã hoạt động khá lâu trong nền kinh tế toàn cầu nhưng nó lại chỉ mới xuất hiện ở Việt Nam sau thời kỳ đổi mới. Cùng với sự hội nhập, trao đổi, giao thoa của những yếu tố khác nhau trong cuộc sống xã hội thì hoạt động kinh tế và đặc biệt là dòng vốn quốc tế cũng ngày càng có những chuyển biến sâu sắc. Do đó, dòng vốn này đang đặt quốc gia, dân tộc đứng trước những vấn đề đòi hỏi phải được nhìn nhận đúng và giải quyết thấu đáo mới có thể nâng cao được hiệu quả sử dụng nguồn vốn nước ngoài. Bài viết tìm hiểu một loại vốn nước ngoài đang có vai trò quan trọng cho sự phát triển của Việt Nam, đó là vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Qua đó, bài viết nêu lên những vấn đề có tính gợi ý cho việc sử dụng nguồn vốn ODA đạt hiệu quả.

Giới thiệu về ODA

Các dòng tài chính vào các nước đang phát triển có ba dạng chính: đầu tư từ các công ty tư nhân nước ngoài; kiều hối từ lao động di cư; và viện trợ từ các chính phủ nước ngoài, thường được gọi là viện trợ phát triển chính thức.

ODA là nguồn tài trợ do chính phủ các nước có thu nhập cao cung cấp dưới dạng viện trợ lương thực, cứu trợ khẩn cấp, hỗ trợ kỹ thuật các nỗ lực gìn giữ hòa bình và tài trợ cho các dự án xây dựng. Động cơ kích thích các nước tài trợ là mong muốn hỗ trợ cho các liên minh chính trị và các đối tác thương mại để mở rộng thị trường cho các hàng xuất khẩu của họ, giảm nghèo và giảm những mâu thuẫn quân sự đang đe doạ an ninh quốc tế. Nguồn ODA có ba bộ phận cấu thành chủ yếu:

- Viện trợ không hoàn lại – là loại viện trợ không đòi hỏi phải hoàn trả.
- Vốn cho vay ưu đãi – loại vốn phải hoàn trả nhưng với lãi suất thấp hơn và trong một giai đoạn dài hơn so với các khoản vay thương mại từ ngân hàng với lãi suất thị trường.
- Đóng góp của các tổ chức đa phương để thúc đẩy phát triển như Liên hợp quốc, Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới và các ngân hàng phát triển khu vực.

Đối với hầu hết các nước có thu nhập thấp thì ODA vẫn là nguồn tài chính nước ngoài vô cùng quan trọng vì trong tổng số tiền được viện trợ, viện trợ không hoàn lại chiếm 95-100% vốn hỗ trợ chính thức của hầu hết các nước tài trợ.

Tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA thời gian qua

Năm 1993, sau khi nối lại quan hệ với các định chế tài chính quốc tế, đến nay, Việt Nam đã nhận được sự hỗ trợ tích cực của cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế đối với công cuộc phát triển kinh tế xã hội. Cụ thể, đã có khoảng 26 nhà tài trợ song phương, 21 nhà tài trợ đa phương và 350 tổ chức chính phủ với hơn 1500 chương trình, dự án dành cho

Việt Nam. Đứng đầu trong các tổ chức trên là Nhật Bản, Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) (chiếm 70-80% tổng nguồn vốn ODA hàng năm mà các nhà tài trợ dành cho Việt Nam), với số vốn cam kết ngày càng tăng.

Từ năm 1993 đến 2001, Việt Nam đã có 21,25 tỷ USD vốn ODA cho các chương trình phát triển cộng đồng. Lĩnh vực được tài trợ trong giai đoạn này chủ yếu là xóa đói giảm nghèo; phát triển y tế, giáo dục và khoa học công nghệ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; xây dựng kết cấu hạ tầng và cải cách thể chế. Trong giai đoạn này, Việt Nam cũng như các nước thuộc khối ASEAN sau cuộc khủng hoảng tài chính 1997 – 1998 lại tiếp một loạt các thách thức xảy ra như giá dầu mỏ tăng cao, đồng USD giảm giá... cùng với một số khó khăn nội bộ như tình hình giải ngân còn rất chậm, từ năm 1993 đến hết năm 2001 vốn giải ngân đạt 9,51 tỷ USD (tương đương với khoảng 44,75% tổng số vốn ODA đã cam kết). Và đặc biệt, nạn tham nhũng kéo theo hiệu quả đầu tư không cao đã ảnh hưởng tiêu cực đến việc tiếp nhận nguồn tài trợ của nước ngoài. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam sớm nhận thức được tầm quan trọng của vốn ODA đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nên đã rất tích cực xây dựng và hoàn thiện dần bộ máy quản lý nhà nước về vốn ODA. Theo đó, môi trường pháp lý được quan tâm và thường xuyên được bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thu hút và sử dụng vốn ODA trong thực tế từng giai đoạn. Bắt đầu từ Nghị định 20/NĐ-CP ban hành năm 1994, tức là chưa đầy một năm sau Hội nghị Paris vào tháng 9/1993, Nghị định 87/1997/NĐ-CP ban hành năm 1997 về quy chế quản lý và sử dụng vốn ODA lại ra đời; tiếp đến là Nghị định số 17/2001/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 04/05/2001 thay thế cho nghị định 87/NĐ-CP. Và cũng ngay sau Hội nghị toàn quốc về giải ngân ODA vào tháng 4/2004. Thủ tướng Chính phủ đã ra chỉ thị 17/2004/CT-TTg ngày 24/5/2004, trong đó giao cho các bộ, cơ quan trung ương, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tích cực giải quyết vấn đề cấp đất và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các chương trình, dự án ODA trên địa bàn, có kế hoạch xây dựng các khu tái định cư độc lập để chủ động trong việc giải phóng mặt bằng, bảo đảm khởi công và hoàn thành chương trình, dự án theo đúng tiến độ đã được thỏa thuận giữa ta và nhà tài trợ...

Bên cạnh các nghị định, nhiều văn bản pháp quy khác cũng được ban hành nhằm quản lý và tạo điều kiện thực hiện nguồn vốn ODA như Nghị định số 90/1998/NĨ-CP ngày 7/11/1998 về Quy chế vay và trả nợ nước ngoài; Quyết định 223/1999/QĐ-TTg ngày 7/12/1999 về Thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với các dự án sử dụng vốn ODA; Quyết định 211/1998/QĨ-TTg ngày 31/10/1998 về Quy chế chuyên gia đối với các dự án ODA ...

Biểu đồ: Cam kết và thực hiện ODA tại Việt Nam giai đoạn 1993-2007

Đơn vị: tỷ USD

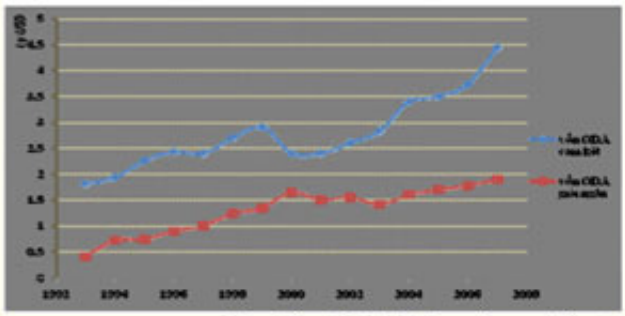

Nguồn: Bộ kế hoạch – đầu tư

Với những nỗ lực cải thiện về cơ chế quản lý và sử dụng vốn ODA nên giai đoạn 2001 – 2005, ODA đã bổ sung khoảng 11% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và nguồn vốn ODA cấp phát qua ngân sách nhà nước chiếm trung bình khoảng 17% tổng đầu tư từ ngân sách. Những năm gần đây, Việt Nam liên tục đạt kỷ lục trong thu hút vốn ODA, năm 2006 cam kết ODA đạt 3,75 tỷ USD, năm 2007 là 4,45 tỷ USD. Đầu năm 2008, Việt Nam được đánh giá là một trong những nước sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA nhất nên lượng vốn này vẫn tiếp tục được rót vào với tổng giá trị là 5,246 tỷ USD. Tổng giá trị ODA cam kết chỉ trong 2 năm 2007 – 2008 đạt gần 9,88 tỷ USD, bằng 49% dự báo cam kết vốn ODA cho cả thời kỳ 2006 – 2010. Nguồn vốn này chủ yếu tập trung hỗ trợ cho các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội ưu tiên của Chính phủ, đó là: năng lượng điện (24%); ngành giao thông (27,5%); phát triển nông nghiệp, nông thôn bao gồm cả thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi (12,74 %); ngành cấp thoát nước (7,8%); các ngành y tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ - môi trường (11,87%). Ngoài ra, nguồn ODA cũng hỗ trợ đáng kể cho ngân sách của Chính phủ để thực hiện điều chỉnh cơ cấu kinh tế và thực hiện chính sách cải cách kinh tế. Nhờ vậy đã góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy kinh tế phát triển. Bằng nguồn vốn ODA, Chính phủ đã đưa vào sử dụng nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 - 2, cầu Mỹ Thuận, bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội), bệnh viện Chợ Rẫy (TP. Hồ Chí Minh), nhiều trạm y tế cũng đã được cải tạo hoặc xây mới, các chương trình dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, tiêm chủng mở rộng được thực hiện một cách có hiệu quả. Ngoài ra, còn hàng loạt các công trình mới đầu tư bằng nguồn vốn ODA sẽ được đưa vào hoạt động trong thời gian tới như nhà máy thủy điện sông Hinh, cầu Cần Thơ, cầu Rạch Miễu...

Vốn ODA tăng qua các năm cho thấy sự tin tưởng, đồng tình và ủng hộ của cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế đối với công cuộc đổi mới và các chính sách phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế cho thấy giữa số vốn ODA cam kết và số vốn ODA giải ngân vẫn còn có một khoảng cách quá xa. Từ năm 1993-2007, vốn ODA chỉ giải ngân được 19,46 tỷ USD, tức chỉ chiếm 46,59% tổng số ODA cam kết (41,765 tỷ USD). Nếu so với các nước thuộc khối ASEAN thì tỷ lệ giải ngân của Việt Nam còn thấp. Theo dự đoán của các chuyên gia Ngân hàng Phát triển châu Á, nếu Việt Nam cải thiện được tỷ lệ giải ngân ODA thì tốc độ tăng trưởng GDP có thể tăng từ mức 8-8,4% như hiện tại lên tới 9% và Việt Nam có thể trở thành nước có mức thu nhập trung bình vào năm 2009, sớm hơn mục tiêu là năm 2010

Như vậy, sau 15 năm có mặt tại Việt Nam, ODA đã thực sự khẳng định được tầm quan trọng của nó trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, có thể nói ODA đã tạo ra nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng đặt Việt Nam trước những thách thức không nhỏ.

Ảnh hưởng của nguồn vốn ODA đến phát triển kinh tế

Cơ hội cho Việt Nam khi tiếp nhận ODA

- *ODA bổ sung một phần vốn quan trọng cho ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển*: Từ khi có mặt tại Việt Nam đến nay, mức giải ngân ODA đã đóng góp 12% cho tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 1996-2000 và 10%-11% giai đoạn 2001-2005, chiếm khoảng 28% tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và khoảng 50% vốn tín dụng đầu tư của nhà nước. Với mức hỗ trợ này, ODA còn góp phần bù đắp được khoảng chênh lệch khá lớn giữa tiết kiệm và đầu tư, giúp chính phủ đạt được cân đối vĩ mô trong thời gian tiếp nhận ODA.

- *ODA góp phần quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam:* Thông qua chương trình xóa đói giảm nghèo từ vốn ODA, nông dân nghèo đã tiếp cận được nguồn vốn vay để tạo ra các ngành nghề phụ. Cùng với việc tăng cường hỗ trợ phát triển công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, phát triển giao thông nông thôn, thủy lợi, cung cấp nước sạch, phát triển lưới điện sinh hoạt, trạm y tế, trường học... công cuộc xóa đói giảm nghèo đã phát huy tác dụng. Số liệu các cuộc điều tra mức sống dân cư trong thời gian qua cho thấy tỷ lệ dân số thuộc diện nghèo theo tiêu chuẩn của Liên hợp quốc đã giảm từ mức 58% vào năm 1993 xuống còn 37% năm 1998; 24% năm 2004 và tính đến cuối năm

2007, con số này chỉ còn 15,1%. Kết quả này cho thấy Việt Nam đã vượt mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) mà nước ta cam kết với thế giới (giảm một nửa tỷ lệ hộ nghèo trước thời hạn của Liên hợp quốc là vào năm 2015), góp phần quan trọng đưa Việt Nam tiến nhanh hơn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

• *ODA góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng:* Những công trình quan trọng được tài trợ bởi ODA đã góp phần cải thiện cơ bản cơ sở hạ tầng kinh tế, trước hết là giao thông vận tải và năng lượng điện. Thông qua các dự án ODA, hệ thống đường bộ được phát triển đáng kể từ quốc lộ 1A, đường xuyên Á (đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài), các cầu lớn (Mỹ Thuận, Cần Thơ, Rạch Miễu...); nâng cấp và mở rộng các cảng biển như Cái Lân (Hải Phòng), Sài Gòn, Tiên Sa (Đà Nẵng), phát triển giao thông nông thôn ở hầu hết các tỉnh. Hệ thống các công trình thủy điện và đường dây điện 500 KV chạy qua các tỉnh và thành phố cũng được xây dựng và cải thiện từ chính nguồn vốn này. Từ việc hỗ trợ kỹ thuật cho các chương trình giao thông và điện, Việt Nam có cơ hội được chuyển giao công nghệ, được học hỏi kinh nghiệm quản lý của các nước tiên tiến. Mặt khác, ODA đã tác động tích cực đến việc cải thiện chỉ số phát triển con người ở Việt Nam thông qua việc đầu tư cho giáo dục và đào tạo, chăm sóc y tế cho bà mẹ - trẻ em. Cơ sở hạ tầng phát triển làm nâng cao tiềm lực sản xuất của địa phương, góp phần thúc đẩy sự phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

• *Gây áp lực cải thiện các thể chế trong nước:* Nguồn vốn nước ngoài thường đầu tư vào những nước có tiềm năng phát triển, đặc biệt họ thường chú ý vào thể chế chính trị, hệ thống pháp luật và nguồn nhân lực. Rõ ràng Việt Nam có ưu thế về nguồn nhân lực dồi dào, chính trị ổn định nhưng hệ thống pháp luật còn quá rườm rà, chồng chéo. Vậy nên muốn thu hút được vốn nước ngoài tạo đà cho sự tăng trưởng, chính phủ cần phải nhanh chóng cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao hơn nữa vai trò quản lý nhà nước và tăng tính minh bạch thông tin.Thực tế cho thấy năng lực thực hiện và quản lý các chương trình, dự án ODA đã có bước tiến bộ. Bằng nhiều hình thức đào tạo khác nhau và qua thực tế thực hiện dự án, nhiều cán bộ của Việt Nam từ cấp cơ quan quản lý vĩ mô tới các Ban quản lý dự án đã làm quen và tích luỹ được kinh nghiệm thực hiện và quản lý nguồn vốn ODA.

Những thách thức đặt ra đối với Việt Nam khi tiếp nhận ODA

Bên cạnh những cơ hội có được, nguồn vốn ODA có thể đưa đến những thách thức đối với Việt Nam:

• *Mất quyền kiểm soát:* Thách thức do nguồn vốn ODA mang lại cho Việt Nam có thể có nhiều loại, song thách thức chính trị là quan trọng nhất. Vì dòng vốn ODA có thể sẽ không chỉ tác động đến khía cạnh kinh tế, mà còn được sử dụng như là cơ sở để cộng đồng quốc tế, hoặc nhân danh cộng đồng quốc tế, can thiệp trực tiếp và thách thức chủ quyền chính trị của một nước đang phát triển như Việt Nam bằng việc cho vay viện trợ hoặc đầu tư vốn lớn để thâu tóm quyền điều hành ở một số ngành chủ chốt của nước đó, làm cho các nước nghèo có nguy cơ rơi vào tình trạng mất chủ quyền quốc gia trong phạm vi kinh tế như: phải chấp nhận dỡ bỏ dần hàng rào thuế quan bảo hộ các ngành công nghiệp non trẻ và bảng thuế xuất nhập khẩu hàng hóa của nước tài trợ; phải chấp nhận một khoản ODA là hàng hóa, dịch vụ do họ sản xuất; danh mục dự án ODA phải có sự thỏa thuận, đồng ý của nước viện trợ; yêu cầu từng bước mở cửa thị trường bảo hộ cho những danh mục hàng hóa mới của nước tài trợ; yêu cầu có những ưu đãi đối với các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài như cho phép họ đầu tư vào những lĩnh vực hạn chế, có khả năng sinh lời cao... Nếu chúng ta cứ tiếp nhận ODA một cách ồ ạt, thì ngay cả những quyền định ra chính sách và mục tiêu kinh tế, kiểm soát, điều hòa nguồn tài nguyên và nguồn thông tin, quyền quản lý các hoạt động kinh tế và khả năng hành động của quốc gia cũng sẽ bị tác động và bị các bên tài trợ ràng buộc chặt chẽ, do đó khó có thể phát triển kinh tế dân tộc theo chiến lược riêng.

• *Tăng thêm gánh nặng nợ cho thế hệ tương lai:* Trong hơn 14 năm có mặt tại Việt Nam, nguồn vốn ODA thực hiện thấp hơn rất nhiều so với nguồn vốn ODA đã cam kết, điều này nói lên việc huy động ODA ở Việt Nam mới chỉ tập trung vào việc thu hút càng nhiều ODA càng tốt, còn nguồn lực và khả năng trả nợ vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều người còn cho rằng ODA là khoản cho không, và trách nhiệm trả nợ là thuộc về chính phủ. Song trên thực tế, ODA không phải là thứ cho không và việc sử dụng nó là một sự đánh đổi cho dù hầu hết ODA là dưới dạng các khoản vay ưu đãi với lãi suất thấp, thời gian trả nợ và ân hạn dài.

Theo số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), tổng nợ của Việt Nam hiện nay khoảng 22 tỷ USD, chiếm khoảng 37% GDP. Với mức nợ an toàn là 40% GDP theo như khuyến cáo của IMF,

thì khả năng vay nợ của Việt Nam không còn nhiều. Và cũng theo kinh nghiệm quốc tế, một nước đang phát triển được xếp có mức thu nhập trung bình (GDP bình quân đầu người đạt trên 1.000 USD) sẽ nhận được ít vốn ODA có điều kiện ưu đãi cao hơn. Vậy nên để Việt Nam trở thành một nước có mức thu nhập trung bình đúng như dự kiến vào năm 2010 thì cần phải sử dụng tốt hơn nguồn vốn ODA hiện nay. Nếu không, thế hệ tương lai sẽ phải gồng mình chịu nợ cho những khoản chi tiêu không hợp lý từ quá khứ của cha ông mình.

• *Thất thoát do tham nhũng, lãng phí ngày càng nhiều:* Có thể nhận định rằng ODA là nguồn vốn mang tính nhân đạo cao của các nước phát triển dành cho các nước đang phát triển vì một thế giới tốt đẹp. Khi mới hình thành, nguồn vốn này tăng liên tục trong nhiều năm. Tuy nhiên, từ năm 1991 trở lại đây, tất cả các nhà tài trợ lớn đều giảm viện trợ trong GNP của mình, mặc dù Liên Hợp Quốc đưa ra chỉ tiêu các nước tài trợ phải phấn đấu dành 0,7% GNP của mình tài trợ cho các nước nghèo nhưng trong những năm 90 thì các nước này chỉ dành 0,33%, và đến năm 2001 chỉ còn có 0,22% cho mục tiêu trên. Tình trạng sụt giảm ODA ngoài nguyên nhân các nước OECD phải kiểm soát thâm hụt ngân sách và kiềm chế việc gia tăng trong chi tiêu của chính phủ, thì còn có một nguyên nhân đáng phải kể đến là các nước OECD cảm thấy nản lòng khi đổ bao nhiêu vốn ODA đi nữa thì cũng không cải thiện được tình hình tăng trưởng kinh tế - xã hội ở các nước nghèo. Nguyên nhân chủ yếu là do việc quản lý và giám sát thực hiện dự án và chương trình ODA của các nước nghèo còn hạn chế và bất cập, chưa đáp ứng những yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả ODA. Ở Việt Nam, sự thất thoát và tham nhũng ở dự án PMU18 và những dự án lớn trong lĩnh vực dầu khí là những ví dụ điển hình về hạn chế trong quản lý và theo dõi ODA. Như vậy, tiền viện trợ sẽ không được sử dụng một cách thực sự hiệu quả ở những nước mà môi trường chính sách yếu kém và đặc biệt là những nước mà mức độ tham nhũng của các quan chức chính phủ rất cao. Nếu quan niệm của một số cơ quan hưởng thụ ODA vẫn còn vương vấn suy nghĩ về ODA thời bao cấp để tranh thủ sử dụng mà không tính đến hiệu quả kinh tế, tính bền vững sau dự án thì khả năng huy động ODA của Việt Nam ngày càng giảm đi và gánh nặng nợ sẽ tăng lên theo thời gian.

Giải pháp cải thiện ODA

Dựa vào những cơ hội và thách thức nêu trên, bài viết này hướng đến một số giải pháp nhằm tháo gỡ những vướng mắc hiện tại.

• *Phát triển nền kinh tế theo hướng độc lập, tự chủ:* Trong điều kiện thiếu vốn và công nghệ tiên tiến như hiện nay, chắc chắn Việt Nam còn cần có sự hỗ trợ rất nhiều từ phía các nước phát triển. Với phương châm: "nội lực là nhân tố quyết định đối với sự tăng trưởng kinh tế, ngoại lực có vai trò quan trọng giúp phát huy nội lực mạnh hơn"[1], Việt Nam đã dần kết hợp nội lực với ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo thành nguồn lực tổng hợp cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nền kinh tế độc lập tự chủ trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh, có sức cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế. Do đó, chúng ta mong muốn nhận được sự viện trợ từ các nước phát triển, nhưng không thể phá vỡ nguyên tắc "tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau". Đồng thời, cần tranh thủ nguồn viện trợ để chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế so sánh, đổi mới công nghệ và trình độ quản lý, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, của sản phẩm và dịch vụ Việt Nam trong nước và trên thế giới.

• *Nâng cao tính hiệu quả trong sử dụng vốn ODA:* Để giảm gánh nặng nợ cho thế hệ tương lai, Việt Nam cần có định hướng phân bộ ODA hợp lý. Ví dụ đối với nguồn vốn ODA có ưu đãi cao cần được ưu tiên sử dụng để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội như đường sá, cầu cống, trường học, trạm xá y tế... Còn đối với nguồn vốn ODA có các điều kiện kém ưu đãi và vốn vay thương mại thì phải được sử dụng cho các chương trình, dự án, ngành và vùng có khả năng thu hồi vốn nhanh và đảm bảo khả năng trả nợ vay một cách bền vững. Đồng thời, cần xây dựng các chương trình và dự án gối đầu có chất lượng hiệu quả cho các giai đoạn tiếp theo.

Mặt khác, do cơ cấu nguồn vốn ODA sẽ thay đổi và ODA có thể được thực hiện qua nhiều phương thức khác nhau, nên Việt Nam cũng cần phải áp dụng các phương thức và mô hình tiếp cận viện trợ mới như tiếp cận theo chương trình, ngành và hỗ trợ ngân sách. Những mô hình mới này sẽ phát huy vai trò làm chủ của Chính phủ, giảm chi chi phí giao dịch, tăng cường hài hòa giữa Chính phủ và các nhà tài trợ, đẩy nhanh tiến độ giải ngân

[1] TS Đinh Văn Ân- TS. Lê Xuân Bá, Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở VIệt Nam, NXB. Khoa học và kỹ thuật, HN, 2006, tr180

các chương trình và dự án ODA.

• *Nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của nhà nước:* Để phát huy có hiệu quả vai trò quản lý kinh tế của nhà nước ta nhằm tránh khỏi thất thoát do tham nhũng hoặc lãng phí, đòi hỏi nhà nước phải không ngừng được củng cố và hoàn thiện chính mình theo những tiêu chí sau:

- Nhanh chóng thực hiện chương trình cải cách hành chính, sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế, phân công nhiệm vụ rõ ràng, rành mạch, bảo đảm tập trung thống nhất nhằm sớm nâng cao năng lực bộ máy điều hành.

- Gắn liền phân cấp quản lý với xây dựng cơ chế thanh tra, kiểm tra giữa các cấp để bảo đảm thực hiện phân cấp có hiệu quả, đặc biệt là các ban quan lý dự án (PMU) theo hướng phân định rõ chức năng quản lý của bộ ngành chủ quản với chức năng tổ chức thực hiện dự án (nhất là khâu thiết kế kỹ thuật, lập tổng dự toán, hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu, phê duyệt, theo dõi và giám sát); hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng khép kín các khâu trong quy trình thực hiện đầu tư ở một bộ, ngành, địa phương vì tình trạng này dễ dẫn đến phát sinh tiêu cực; gắn trách nhiệm của chủ đầu tư và người đứng đầu cơ quan quản lý trong việc thực hiện dự án và có chế tài đủ mạnh để xử lý.

- Tiếp tục loại bỏ những thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng.

- Bảo đảm công khai các quy định, tạo điều kiện thực hiện tốt quy chế một cửa tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước.

- Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại về kiến thức chuyên môn, tăng cường giáo dục đạo đức và lối sống lành mạnh trong đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước.

- Bổ sung quy chế quy định rõ trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan trước cấp trên và trước pháp luật đối với những hành vi trái pháp luật, kỷ luật hành chính, phạm tội hình sự của cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý của mình. Thiết lập trật tự kỷ cương trong việc thực thi công vụ, làm cho bộ máy nhà nước hoạt động thực sự có hiệu lực và hiệu quả■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS Đinh Văn Ẩn- TS. Lê Xuân Bá, *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở VIệt Nam*, NXB. Khoa học và kỹ thuật, HN, 2006.

2. *Minh Đức:* thu hút và sử dụng ODA ở Việt Nam: những vấn đề đặt ra, http://www.vnn.org.vn, ngày 16/04/2008

3. *Đánh giá viện trợ: khi nào có tác dụng, khi nào không, và tại sao*, Báo cáo nghiên cứu chính sách của Ngân hàng Thế giới

4. *Phước Hà*, "Giải ngân ODA chậm, các nhà tài trợ than phiền", http://vietnamnet.vn, ngày 01/06/2007.

5. 7 giải pháp chống lãng phí vốn ODA, http://www.bacninh.gov.vn

6. *Phương Thanh*, "90% dự án ODA ở Việt Nam thiếu chỉ tiêu thực tế" httpx://www.vnn.vn, ngày 18/06/2003

7. Nguyễn Ngọc Sơn: Tiết kiệm – đầu tư và tăng trưởng kinh tế ở VN, http://www.vdf.org.vn

8. *Viện Kinh tế TP. HCM*, "Đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về vốn ODA tại Việt Nam giai đoạn 1993 – 2006", http://www.vienkinhte.hochiminhcity.gov.vn

TẠP CHÍ Công nghệ ngân hàng

70C 1207 - 014SG

Bạn đọc không cần dán tem

PHIẾU ĐẶT BÁO DÀI HẠN

To: Tạp chí Công nghệ ngân hàng
36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh